TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 17–8–2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh SL tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 01-6-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-7-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10-8-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14-8-2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tòng Thị K, sinh năm 2001.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1997.

Đều trú tại: Bản SS, xã MN, huyện TC, tỉnh SL. (Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Tòng Thị K trình bày:

Chị Tòng Thị K và anh Lò Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn từ ngày 23/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã MN, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị K cam đoan không có nợ chung.

Đối với bị đơn anh Lò Văn T: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Lò Văn T để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Lò Văn T vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Tòng Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như trong bản tự khai và xin miễn án phí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tòng Thị K được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Tòng Thị K theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tòng Thị K yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lò Văn T có nơi cư trú tại bản SS, xã MN, huyện TC, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Tòng Thị K vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Lò Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị K và anh Lò Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã MN, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng anh T và chị K chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị K và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị Tòng Thị K yêu cầu ly hôn anh Lò Văn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tòng Thị K có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do vợ chồng không thể hòa giải được, đến ngày mở phiên tòa chị K vẫn kiên quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Lò Văn T để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh Lò Văn T vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị Tòng Thị K và anh Lò Văn T không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng chị K, anh T nhưng không thành, chị K và anh T đã sống ly thân được một thời gian không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị K và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Tòng Thị K ly hôn với anh Lò Văn T.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị K cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Tòng Thị K là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Tòng Thị K. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tòng Thị K được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Chị K cam đoan không có nợ chung.

6. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Tòng Thị K. Hoàn trả lại chị Tòng Thị K số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh SL theo biên lai thu số: AA/2021/0003295, ngày 01/6/2023.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Tòng Thị K, anh Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã MN, huyện TC, tỉnh SL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Nghĩa